Nhìn vào dữ liệu Viện công nghệ Tohoku từ những con số

VOL.03 tháng 7, năm 2023

Overview of Educational Outcomes Based on the AEGG Policies at Tohoku Institute of Technology

●「データで見る東北工業大学」公式ゆるキャラ3兄妹（ベトナム語版）

ヤギDさん　デタねこちゃん　みるまるくん

Thành lập ※1

59 Năm
Since 1964

Số lượng sinh viên theo học

82% nam giới
18% nữ giới
3,410 người

Người từ? Tohoku ※2

96%

205 người
142 người
302 người
254 người
Miyagi 2,156 người
Các tỉnh khác 137 người
214 người

3 Viện
8 Khoa
2 khuôn viên đại học

Số lượng giảng viên toàn thời gian

117 người ※3

7 năm liên tiếp Đầy đủ công suất

Sức chứa chỗ ở tỷ lệ đủ

112% ※4

Tỷ lệ việc làm 99% ※5

東北工業大学　COMPANY

Khảo sát hình ảnh trường đại học dưới góc độ nhân sự doanh nghiệp ※6

Xếp hạng tỷ lệ việc làm chung ※6

Hokkaido•Tohoku

đại học tư thục

Nơi đầu tiên

TOHOKU INSTITUTE OF TECHNOLOGY

1　2　3

Các trường đại học đam mê hỗ trợ việc làm ※6

Vị trí thứ 3 toàn quốc

Sinh viên tốt nghiệp hài lòng với công việc của mình

95% ※7

Nhà tuyển dụng hài lòng với sinh viên tốt nghiệp của chúng tôi

99% ※8

Số ngày học trong năm ※9

Khoảng 40% thời gian trong năm dành cho lớp học

các ngày trong tuần
140 ngày/hàng năm

28 tuần/hàng năm

các ngày trong tuần
5 ngày/1 tuần

5 tiết học/1 ngày

100 phút/1 tiết học

kì nghỉ hè+kỳ nghỉ đông
66 ngày

Mức độ phát triển khi tốt nghiệp ※10

Thu thập thông tin・Phân tích・Khả năng phát hiện vấn đề

Điểm đánh giá

Trung bình đại học tư thục 4.2

Vào thời điểm nhập học: 4.1

Lúc tốt nghiệp: 4.9

Bài kiểm tra đầu vào của sinh viên hiện tại ※11

Kỳ thi tuyển sinh trong năm 62%

Kỳ thi tuyển sinh năm mới 38%

Nhân viên bán thời gian có kinh nghiệm

84% ※12

Tỷ lệ nhập học nội bộ

29% ※14

J. 仙台城南高校 ▶▶▶ 東北工業大学

仙台城南高校 公式マスコットキャラクター J. にゃん（じょうにゃん）

họ phổ biến nhất ※15

Sato
(194người)

Bạn cũng là Sato à?

Có kinh nghiệm hoạt động câu lạc bộ

57% ※13

Số lượng cà ri 100 yên được bán tại căng tin trường học ※16

25,313 bữa ăn / năm 2022 (40ngày)

¥100

Đoạn văn bên dưới là tiếng Nhật, xin vui lòng tự dịch.（以下の文章は日本語のままですので、各自で翻訳して下さい。）

※全項目共通①：この資料で用いている数値データや割合は、小数第一位を四捨五入し整数で表示しています。（PROGスコアを除く）
※全項目共通②：数値や人数等は、原則として2023年5月1日時点のデータを用いています。（各項目で指定がある場合を除く）
※1：創立年数は、大学開学（1964年4月）から2023年4月1日時点の年数。なお、学校法人（1960年10月創設）は2023年10月19日で創立63年を迎えます。
※2：人数は各県出身者数。出身都道府県は「出身高校所在地」（文部科学省「学校基本調査」準拠）により集計。96%は全学生に占める東北6県出身者の割合
※3：本学に本務として所属する教授・准教授・講師・助教の人数（学長を除く）
※4：収容定員充足率＝在籍者数÷収容定員（3,040人）
※5：2022年度卒業生（2023年3月卒）の就職率＝（就職者数（自営業・起業・留学生を除く）÷就職希望者数）×100
※6：【出典】「価値ある就職力ランキング2023-2024」（日経HR,2023年6月5日発行）
【調査名】企業の人事担当者から見た大学イメージ調査　【調査主体】日本経済新聞社・日経HR　【調査協力】日経リサーチ　【調査期間】2023.2.14 ～ 3.22
【調査対象】2023年2月現在の全上場企業および一部未上場有力企業（5,070社）　【回答社数】738社（回答率14.6%）
※7：2022年度卒業生▶「共通学生調査2022」集計結果（対象：4年生・回答率：91%）▶就職内定先に対する満足度「とても満足～どちらかといえば満足」の割合（就職先未決定者を除く）
※8：「企業アンケート調査2022」集計結果（対象：本学合同企業説明会参加企業・回答数：369社）▶採用した本学卒業生の総合評価「とても満足～どちらかといえば満足」の割合（回答未選択の企業を除く）
※9：本学の2023年度学年暦に基づく授業日数。この他に、オリエンテーション期間・補講日・定期試験期間・補習期間・追再試験期間などがあります。1日5コマとありますが、学生によって履修する授業が異なりますので、全学生が毎日必ず5コマ分の授業を受けるわけではありません。
※10：外部アセスメントテスト（PROGテスト）の、2019年度入学生の入学時と卒業時のリテラシー総合スコア平均値。（最高7.0）
入学時（2019年4月実施）受験率100%・卒業時（2022年9 ～ 10月実施）受験率80%
私大平均は、PROGテスト実施事業者の株式会社リアセックによる全国私立大学全学年のPROGテスト・リテラシー集計平均値
※11：2023年度在籍学生が受験した本学入試区分（年内入試＝AOVA・指定校・専門高校・公募制）・（年明入試＝一般選抜A・B・大学入学共通テスト利用）
※12：「共通学生調査2022」集計結果（対象：全学生・回答率：75%）▶アルバイト・職業の経験（インターンシップを除く）「参加している～参加していたが途中でやめた」の割合
※13：「共通学生調査2022」集計結果（対象：全学生・回答率：75%）▶本学内のクラブ・サークル・SJ等の経験「参加している～参加していたが途中でやめた」の割合
※14：「内部進学率」：併設校の「仙台城南高等学校」の卒業生に占める本学進学者の割合（仙台城南高校から本学への進学者数÷仙台城南高校卒業生数）本紙記載の割合は過去10年間の平均
※15：2023年度在籍学生（大学院生も含む）の漢字氏名の中で最も多かった名字
※16：「100円カレー」：学生に対する食と経済の学生支援策として、本学後援会・学友会および本学からの援助により、学生食堂の通常350円のカレーを100円で提供しています。2022年度は、「100円カレー DAY」を年40日間開催し、計25,313皿（1日平均600皿）の実食がありました。

データで見る東北工業大学（Vol.3）／【発行】2023年7月 【制作】東北工業大学 大学企画室 【教育成果の可視化プロジェクト】小山内幸広，千田幸，二郷雄介 【翻訳協力者】グエン・ヴァン・ドゥック 【デザイン】合同会社 blanc
お問い合わせ　東北工業大学 大学企画室／〒982-8577 宮城県仙台市太白区八木山香澄町35番1号 TEL：022-305-3415　本学ホームページ https://www.tohtech.ac.jp/ 東北工大